

SỐ 191

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng Pháp Sư Pháp Hiền.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú trong rừng Ni-câu-đà thuộc nước Ca-tỳ-la. Bấy giờ đại chúng thuộc tộc họ Thích ở nước Ca-tỳ-la, tự suy nghĩ: “Đức Phật Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở đâu? Ngài có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?” Nghĩ xong, họ bèn nói những suy nghĩ ấy với mọi người trong tộc họ và tiếp:

–Chúng ta nay hãy đến chỗ Đức Phật để hỏi về những ý nghĩa ấy. Những điều được Phật giảng dạy, chúng ta sẽ y theo mà giữ gìn tu tập.

Nói như thế xong, đông đảo những người thuộc tộc họ Thích ấy liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu cung kính đảnh lễ dưới chân Thế Tôn rồi ai nấy về chỗ ngồi của mình. Lúc ấy đại chúng dòng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con thuộc dòng họ Thích ở trong một ngôi tinh xá thuộc nước Ca-tỳ-la chợt suy nghĩ: “Đức Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở nơi nào? Có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?” Chúng con

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không biết nên cùng Thích chúng đến chỗ Đức Phật xin chỉ dạy. Mong Đức Phật vì chúng con mà giảng nói những điều ấy, chúng con được nghe xong sẽ xin y giáo thọ trì.

Bấy giờ vì muốn giải tỏa những thắc mắc của đại chúng nên Đức Phật nói với Thích chúng:

–Trước hết, Ta không muốn nói về những điều ấy. Vì sao? Vì nếu những người ngoại đạo nghe được những điều này thì họ sẽ chế nhạo: “Ông Sa-môn Kiều-đáp-ma tự nói tốt về mình.” Do vậy nói mà vui thì nói, còn nói mà không vui vẻ thì thử hỏi nói có ích gì?

Khi đó ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trong chúng từ chỗ ngồi đứng lên, chăm chú chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Thế Tôn. Đức Phật bèn nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Các vị Thích chúng ấy muốn được nghe về đời quá khứ của Ta, Ta đã sinh ở nơi đâu? Từng có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Có những nhân duyên gì? Nay ông hết lòng vì họ mà giảng thuyết những điều ấy.

Bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên yên lặng suy nghĩ hồi lâu rồi thu y Tăng-già-lê đặt làm gối, nằm nghiêng bên phải, chân xếp lên nhau, lặng lẽ nhập vào pháp Tam-ma-địa, xem xét về quá khứ của Đức Phật rõ được nơi sinh, dòng họ cùng những việc mà Đức Phật đã trải qua. Sau khi tuệ quán biết rõ như thật, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, trở lại chỗ cũ an tọa và bảo với Thích chúng:

–Trong lúc nhập chánh định ta đã xem xét rõ những việc về quá khứ của Bạc Kiều-đáp-ma. Xưa kia, vào lúc thế giới hoại, chúng sinh sau khi mạng chung mà được vãng sinh vào cõi Biến tịnh thiên thì các căn đều đầy đủ, hình tướng đoan nghiêm, không có những nỗi khổ, thân tâm yên vui, sắc tướng sáng rõ, du hành tự tại trên không, ăn những vị ngon trên trời, thọ mạng dài lâu, không có kẻ nào mạng yếu. Bấy giờ những thứ do từ đất, từ nước sinh ra đầy khắp trong không trung giống như biển lớn gió thổi sóng xao, như sữa được nấu chín nên thứ nước ấy luôn trong lành, sau đó chúng sinh sẽ ăn những vị thanh tịnh tối thượng nhất.

Ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Khi cuộc sống ở cõi Biến tịnh thiên hoại rồi, các chúng sinh ấy do phước báo thọ mạng đã hết nên rời khỏi Biến tịnh thiên sinh xuống cõi nhân gian thì thân tướng lúc ấy cũng như ở Thiên giới, hình tướng cũng đoan nghiêm, các căn không khiếm khuyết, sắc diện diệu kỳ tỏa rộng, tự thân có ánh sáng thường chiếu rọi rõ, sống lâu vui vẻ, tự tại đi lại trên không. Thời ấy không có mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cũng không có thời gian như năm tháng, ngày giờ, cũng không có tướng nam, nữ của các loài chúng sinh, lại sinh ra vị đất để hỗ trợ cho sự sống. Vị đất ấy ngon ngọt lạ lùng, loài hữu tình ăn vào thì sinh ra tham đắm, rồi vì tham đắm mà thân thể bỗng trở nên nặng nề, ánh sáng không còn nữa, cả cõi thế gian trở nên tối tăm. Các loài hữu tình thấy thế gian tối tăm sinh tâm sợ hãi, ưu sầu. Nhưng rồi thế gian xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các vì sao, từ đấy mà có ngày đêm và thời tiết, khiến các loài hữu tình thọ mạng lâu dài, không còn khổ não. Do sự tham đắm mùi vị của đất, có kẻ tham nhiều, kẻ tham ít mà hình tướng hoặc xấu xí hoặc đoan nghiêm khác nhau, thế rồi sinh tâm phân biệt nên chịu quả báo có tướng đen, trắng chẳng đồng dẫn tới tình trạng ghen ghét lẫn nhau mà tạo thành tâm bất thiện. Vì tâm bất thiện nảy sinh nên vị ngon ngọt của đất dần dần mất đi, khiến cho chúng sinh đau khổ, than thở: “Nay không còn gì để ăn. Thật là khổ thay!”

Rồi họ lại suy nghĩ: “Vị đất ngon ngọt ấy vì sao mất đi. Trong tương lai chúng ta sẽ lấy gì để ăn.” Việc ấy đã khiến họ bị lâm vào cảnh tai họa đói kém, sầu não mà không thể hiểu, cũng không thể cầu cứu ai được.

Nhưng không bao lâu thì trong lòng đất lại sinh ra một thứ bánh mùi vị thơm ngon như hoa Ca-lê-ni-ca-la. Chúng sinh ăn thứ bánh này thì thân thể khỏe mạnh, hình tướng đoan nghiêm, khí lực sung mãn, sống lâu và an lạc. Nhưng rồi có kẻ tham ăn nhiều, người tham ăn ít mà sinh ra sắc tướng khác nhau, từ đó sinh tâm phân biệt, làm những nghiệp phi hạnh, bất thiện đối với nhau khiến loại bánh sinh từ đất ấy biến mất. Điều này làm cho chúng sinh lại trở nên đau khổ, suy nghĩ không biết vì đâu mà loại bánh kia đã biến mất. Họ lại rơi

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vào cảnh đói kém. Sau đấy trên mặt đất lại sinh loài mây rừng có hình sắc kỳ diệu, hương vị thơm ngon. Chúng hữu tình ấy ăn vào thì khí lực tăng trưởng, thọ mạng dài lâu, hình tướng đoan chánh, đầy đủ nhân tướng và rồi cũng như trên, do chúng sinh tham đắm mà thức ăn mây rừng ấy biến mất khiến mọi loài đau khổ vì đói kém. Thời gian này, trong đất lại sinh ra loại lúa thơm, cứ đến mùa thì tự nhiên chín. Chúng hữu tình dùng lúa ấy để ăn, mùi vị thơm ngon, bổ dưỡng thân thể, mạng sống được kéo dài. Do ăn loại lúa thơm ấy nên dần dần con người cảm thấy trong thân hình mình có cái gì ngăn ngại, bèn nghĩ cách làm thế nào để trừ bỏ sự ngăn ngại ấy. Do ý nghĩ như vậy, mà nảy sinh hai giới tính nam nữ có thân căn khác nhau. Khi ấy loài hữu tình do sắc hương vị mà nảy sinh luyến ái, tự yêu thân mình, dùng hương hoa, y phục cùng những thứ khác để cung phụng bản thân, lại dùng những lời lẽ dịu ngọt để làm cho kẻ khác vui thích. Nếu kẻ khác tỏ ra không yêu thương thì mình trách mắng, thậm chí dẫn đến đánh nhau, tạo những điều bất thiện, khiến những chúng sinh kia trước sống đúng chánh pháp thì nay làm điều phi pháp, trước sống có luật nghi thì bây giờ sống trái với luật nghi, thậm chí luôn trong ngày đêm, giờ khắc đều có những phân biệt điên đảo. Giống như người dùng đầu để lường than mà cứ muốn đầy bằng, cái hạnh bất chánh cũng như vậy, do dùng tâm điên đảo nên chánh pháp trở thành tà pháp, khiến cho giống lúa thơm kia lại biến mất.

Lúc đó ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

–Vì lúa thơm biến mất nên chúng sinh ngày ngày phải đi khắp nơi để tìm giống lúa về trồng. Thuở ấy có một người tính tình lười nhác, tham lam tài lợi, tuy có giống lúa mà không thể trồng. Có người biết nên nói với anh ta: “Anh có giống lúa thì hãy chia cho tôi một ít để đem về trồng.”

Người kia đáp: “Tôi có giống lúa thơm đủ dùng cho bản thân. Nay nếu anh cần, tôi sẽ chia cho anh, nhưng sau một, hai ngày, trễ lắm là bảy ngày thì phải trả lại cho tôi.”

Người mượn lúa nói: “Tốt lắm, tốt lắm! Nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày mà chưa trả được thì nửa tháng hoặc một

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thánh sẽ xin trả lại.”

Nói xong người ấy liền suy nghĩ: “Trước kia lúa thơm không trồng mà tự mọc, khỏi phí sức lực mà vẫn có ăn, nay muốn có lúa thì phải có nhiều ruộng, rồi bỏ công sức ngày đêm chăm sóc thì mới thu lại kết quả.” Nghĩ xong người ấy sinh ra buồn bã, nước mắt tuôn rơi. Rồi lại nghĩ tiếp: “Thời quá khứ, chúng sinh sắc tướng đoan nghiêm, các căn đầy đặn, đầy đủ nhân tướng, tâm hồn vui sướng, thân có ánh sáng, tự tại mà đi lại trên không, thọ mạng lâu dài, lần lượt được hưởng các thức ngon trong cõi nhân gian như “địa vị”, “địa bình”, “lâm đẳng”, “hương đạo” khiến chúng sinh có được hình sắc đoan chánh, trường thọ, thân phát ánh sáng, tâm hồn an lạc, cơ thể nhẹ nhàn có thể đi lại trên không... Nhưng vì lòng tham đắm những thức ăn đó mà dần dần nảy sinh tâm phân biệt, khiến hạnh bất thiện dấy phát làm cho các thức quý báu đó biến mất, còn chúng sinh thì cũng không được như xưa. Cơ thể họ nặng nề mất hết ánh sáng, phải đi tìm giống lúa và ra công khó nhọc gieo cấy trên đồng ruộng thì mới có gạo ăn. Tuy nhiên hạt lúa thơm sinh ra đã dần dần nhỏ đi. Vì vậy lòng tham về ruộng đất nảy sinh, muốn chiếm được nhiều khiến tâm gian tham và hành vi trộm cắp xuất hiện.” Lúc bấy giờ có một người thấy kẻ kia trộm lúa, bắt gặp một lần, hai lần, đến lần thứ ba bèn hỏi kẻ kia: “Anh cũng có lúa gạo sao không sử dụng, lại đi lấy trộm của kẻ khác? Từ nay chớ có làm như vậy nữa.”

Kẻ trộm nghe rõ những lời ấy, nhưng vẫn không hối cải, cứ tiếp tục ăn trộm. Người ấy lại bắt gặp nữa, liền trách tên trộm: “Trước đây tôi đã khuyên anh đừng trộm cắp nữa nhưng vì sao nay lại tái phạm.”

Vị ấy bèn họp nhiều người để cùng lên án anh ta. Bấy giờ trong đám đông đó, bèn tuyển ra một người có đầy đủ phước đức để bầu làm Điền chủ chia đều ruộng đất, kẻ nào vi phạm thì để cho vị Điền chủ ấy dần xếp.

Vào mùa thu hoạch, khi lúa chín thì trích ra một ít để thưởng cho người Điền chủ, như vậy người Điền chủ phải luôn giữ gìn giới hạnh để vỗ về khuyên bảo mọi người sống cho hợp pháp. Từ đó,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trong thế gian có tầng lớp quý tộc (Sát-đế-lợi), vị vua đầu tiên có tên là Tam-ma-đạt-ma. Vị vua ấy có vị đại thần tên là Hữu Tình. Sau đó vị vua ấy sinh Thái tử đặt tên là Ái Tử. Vua Ái Tử có vị đại thần tên Y-hạ-ca và Thái tử tên là Thiện Hữu. Thái tử Thiện Hữu nối ngôi vua có vị đại thần tên là Đế-la-ca và sinh một Thái tử đặt tên là Tối Thượng. Vua Tối Thượng có đại thần tên là A-bạt-la-kiến-xá và Thái tử tên là Giới Hạnh. Đại thần của vua Giới Hạnh là Đa-la-nhạ-già. Trên đỉnh đầu của vua Giới Hạnh ấy sinh ra một cục bấu mềm mại, vua thường dùng sợi của loại hoa Đâu-la-miên để lau rửa. Khi lau rửa khối thịt ấy vua không đau đớn. Sau đấy, cục bấu tự nhiên vỡ ra sinh được một đồng tử có phước đức đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, ai cũng kính mến nên đặt tên là Đảnh Sinh. Vừa sinh xong Thái tử đã được đưa ngay vào trong cung.

Khi đó trong cung của vua Giới Hạnh có sáu vạn cung nhân, người nào cũng tâu vua: “Xin Đại vương cho thần được làm nữ mẫu của Thái tử.” Vì vậy mà Thái tử còn có tên là Ngã Nãi Vương.

Vào thời vua Đảnh Sinh, trí tuệ của chúng sinh ở thế gian dần dần tăng trưởng, đã có những tư duy sâu sắc, phân biệt phải trái, phân biệt công sức và hiệu quả... nên vua lập hiệu là Ma-nổ-sa.

Vào thuở ấy, sáu vị vua có thọ mạng vô lượng, có sáu vị đại thần. Vị thứ nhất tên là Hữu Tình, vị thứ hai tên Y-hạ-la, vị thứ ba tên Đế-la-ca, vị thứ tư tên A-bạt-la, vị thứ năm tên Đa-la-nhạ-già, vị thứ sáu tên Ma-nổ-nhạ. Sáu vị đại thần ấy đều thông minh đa trí, có năng lực cai trị thế gian, rất có uy đức.

Lúc ấy vua Đảnh Sinh bỗng sinh ra một cục bấu nơi bắp vế bên phải. Khối bấu ấy rất mềm mại, vua thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên để lau rửa mà không bị đau nhức gì. Khi bấu vỡ thì sinh ra một đồng tử có thân tướng đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, vua đặt tên là Ni-lỗ. Thái tử Ni-lỗ có trí tuệ và phước đức lớn lao, được làm Kim luân vương cai trị bốn cõi thế gian. Luân vương Ni-lỗ sau đó ở bắp vế bên trái cũng sinh một khối bấu mềm mại, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì. Đến khi chín mùi khối bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra một

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đồng tử có tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Ô-ba-ni-lỗ. Thái tử ấy có trí tuệ sâu xa, phước đức vô lượng, lên ngôi Ngân luân vương cai trị ba cõi thiên hạ. Về sau, vua Ô-ba-ni-lỗ lại có cục bấu nơi chân bên phải, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì, rồi khối bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Thất-ni-lỗ, có phước đức sâu dày, lên ngôi Đồng luân vương cai trị hai cõi thiên hạ. Nơi chân trái vua Thất-ni-lỗ lại sinh ra khối bấu, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không gây đau đớn gì, rồi cục bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng mạo đoan chính, đủ ba mươi hai tướng, được đặt tên là Ma-ni-lỗ, phước tuệ sâu dày, lên ngôi Thiết luân vương cai trị một cõi thiên hạ.

Lúc bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên lại bảo với Thích chúng:

–Cứ thế, ngôi vua nối tiếp nhau cho đến nay, số lượng rất nhiều như: Chúng Hứa vương sinh ra Ái vương, Ái vương sinh Thiện Hữu vương, Thiện Hữu vương sinh Tối Thượng vương, con của Tối Thượng vương là Giới Hạnh vương, Giới Hạnh vương sinh ra Đảnh Sinh vương, Đảnh Sinh vương sinh Ni-lỗ vương, con của Ni-lỗ vương là Ô-ba-ni-lỗ vương, con của Ô-ba-ni-lỗ vương là Thất-ni-lỗ vương, con của Thất-ni-lỗ vương là Ma-ni-lỗ vương, Ma-ni-lỗ vương sinh ra Lỗ-tức vương, con của Lỗ-tức vương là Tô-lỗ-tức vương, con của Tô-lỗ-tức vương là Mẫu-tức vương, con của Mẫu-tức vương là Mẫu-tức-lân-nại vương, con của Mẫu-tức-lân-nại vương là A-nga vương, con của A Nga vương là A-nghi-la-tha vương, con của A-nghi-la-tha vương là Bà-nghi-la-tha vương, Bà-nghi-la-tha vương lại sinh ra Ta-nga-la vương, Ta-nga-la vương có con là Ma-hạ-ta-nga-la vương, Ma-hạ-ta-nga-la vương có con là Xá-củ-nễ vương, Xá-củ-nễ vương có con là Ma-hạ-xá-củ-nễ vương, Ma-hạ-xá-củ-nễ vương lại sinh ra Củ-xá vương, con của Củ-xá vương là Ô-ba-củ-xá vương, con của Ô-ba-củ-xá vương là Ma-hạ-củ-xá vương, Ma-hạ-củ-xá vương sinh Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-nặng vương, con của Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-nặng vương là Bát-la-nỗ-da vương, Bát-la-nỗ-da vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

da vương, Ma-hạ-bát-la-nỗ-da vương có con là Bát-la-nỗ-na vương, Bát-la-nỗ-na vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương, con của Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương là Bát-la-bán-ca-la vương, Bát-la-bán-ca-la vương lại sinh Bát-la-đa-ba vương, Bát-la-đa-ba vương lại sinh Phược-di-lỗ vương, Phược-di-lỗ vương có con là Di-lỗ-ma-đa vương, Di-lỗ-ma-đa vương có con là A-lí-tức vương, A-lí-tức vương có con là La-lí-tức-sắt-ma-đa vương, La-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là Năng-lí-tức-sắt-ma-đa vương, Năng-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là A-lí-chỉ-ta-mãn-đa vương... Cứ thế, con cháu các vua kế tục đến một trăm vị đại Quốc vương, đều đóng đô ở thành BỐ-ĐA-LA-CA. Vua đời cuối cùng sinh ra vua tên là Hàng Oán. Vì vua có uy đức rất lớn, đã hàng phục được các thứ ma oán nên có hiệu là Hàng Oán vương. Vị vua này có con cháu truyền đời không dứt, tới năm vạn bốn ngàn đời vua và đều đóng đô ở thành A-DỤ-ĐÁ-GIẢ. Đến đời vua cuối cùng lại sinh con là Vô Năng Thắng vương. Con cháu vị vua này nối tiếp lên ngôi đến sáu vạn vị Thiên tử, đến đóng đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời vua cuối lại sinh con có hiệu là Nậu-bát-la-ta-ha vương. Con cháu vị vua này nối nghiệp đến tám vạn bốn ngàn đời và đóng đô ở thành Khẩn-bế-la. Con của vị vua cuối cùng của thành này là Phạm Thọ vương truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Hạ-tất-đế-năng-bố-lí. Vua cuối lại sinh Hạ-tất-đế-nại-đa vương và truyền được năm ngàn đời, đóng đô ở thành Bát-xoa-thi-la. Vua cuối lại sinh Ta-đa-lê-long vương, cháu con truyền được ba vạn hai ngàn đời, đóng đô ở thành Ô-la-ta-đại, đời cuối lại sinh một người con là Năng-nga-năng-bố-năng vương, truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Vô Năng Đại. Vị vua cuối của thành ấy sinh ra con lấy hiệu là Thắng Quân vương, con cháu truyền đến một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Chiêm-ba-đại. Đời vua cuối lại sinh con lấy hiệu là Long Thiên vương, con cháu truyền được hai vạn năm ngàn đời đóng đô ở thành Đát-ma-lê-đa. Đời vua cuối lại sinh con tên là Vi Hải vương, con cháu truyền được một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Nan-đa-bố-lí. Vua đời cuối sinh con lấy hiệu là Diệu Ý vương, truyền được hai vạn năm ngàn đời và cũng đều đóng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời sau cùng của vương triều này, sinh được người con lấy tên là Đại Quân vương, con cháu nối ngôi được một ngàn đời, đóng đô ở thành Củ-xá-phước-đế. Đời cuối của vương tộc ấy sinh con là Hải Quân vương, truyền được một ngàn đời, đóng đô ở thành Bồ-đa-la-ca. Đến đời vua sau cùng sinh người con lấy hiệu là Tà-đa-bán-ni-la vương, truyền được tám vạn bốn ngàn đời, đóng đô ở Củ-xá-đế thành. Đời cuối lại sinh ra Ma-tứ-mục-khư vương, con cháu nối ngôi được mười vạn đời và cũng đóng đô ở nước Ba-la-nại. Đời cuối cùng sinh con lấy hiệu là Ma-tứ-bát-đế vương, cũng gọi là Địa Chủ vương, truyền được một trăm đời đóng đô ở thành A-du-đà-đại. Đời sau rốt sinh con lấy hiệu là Đại thiên vương, phạm hạnh thanh tịnh, con cháu nối ngôi được tám vạn bốn ngàn đời và cũng đóng đô ở thành Di-thể-la. Đến đời vua cuối, lại sinh người con hiệu là Nhĩ-di vương, vua này lại sinh Ma-ngộ-nỗ vương, vua Ma-ngộ-nỗ lại sinh Niết-lí-xá Nhĩ-di-khư-nỗ vương, vua ấy lại sinh Lô-ba-khư-nỗ vương, vua này lại sinh Khư-nỗ-ma-năng vương, đời tiếp theo là Khu-nỗ-mãn-đa vương, tiếp đấy là các đời vua: Bà-niết-lí-xá vương, Tô-lỗ-đa-tế-năng vương, Đạt-ma-tế-năng vương, Vĩ-nhĩ-đa vương, Ma-hạ-vĩ-nhĩ-đa vương, Vĩ-nhĩ-đa-tế-năng vương, A-du-ca vương, Vĩ-nga-đa-du-ca vương, Phả-la-ta-thùy vương, Nhạ-la-ta-thùy vương, Một-độ-ma-la vương, A-lỗ-nỗ vương, Nhĩ-phiến-ba-đế vương, Lí Ngũ vương, Thương-ca-la-ca vương, A-nan-na vương, A-na-lí-xá-mục-khư vương, Nhạ-na-ca vương, Tán-nhạ-năng-khư vương, Nha-năng-sa-bà vương, Án-năng-bá-năng vương, Bát-la-tổ-la-năng-ba-năng vương, A-lan-đa vương, Ba-la-lan-đa vương, Bát-la-đế-sắt-sỉ-đa vương, Tô-bát-la-đế-sắt-sỉ-đa vương, Ma-hạ-ma-la vương, Phước-hạ-năng vương, Tô-ma-đế vương, Niết-lí-xá-phước-hạ vương, Nại-xả-đà-nô vương, Thiết-đa-đà vương, Năng-phước-đế-đà-nỗ vương, Thất-tả-đát-la-đà-nỗ vương, Vĩ-nhĩ-đa-đà-nỗ vương, Niết-lí-xá-đà-nỗ vương, Nại-xả-la-tha vương, Thiết-đa-la-tha vương, Năng-phước-đế-la-tha vương, Tức-đát-la-tha vương, Niết-lí-xá-la-tha vương... Cứ thế, con cháu truyền đến bảy vạn bảy ngàn đời vua, đều đóng đô ở thành Ca-nại. Tới đời vua cuối của thành này, lại sinh con lấy hiệu

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

là A-mạt-lộc-sa vương. Vua này có người con là Long Hộ vương, con cháu truyền được trăm đời và đóng đô ở nước Ba-la-nại. Vua sau cùng của thành Ba-la-nại sinh con hiệu là Ngật-lí-cát vương. Bấy giờ Đức Phật Ca-diếp có đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài luôn giữ gìn giới luật và phạm hạnh, đã phát nguyện lớn cầu Vô thượng giác, là vị Bồ-tát Bồ-xứ ở cung trời Đâu-suất. Cơ duyên đầy đủ, Ngài hạ sinh nơi cung vua Ngật-lí-cát, bỏ ngôi xuất gia tu hành mà thành tựu Phật đạo.

Lúc ấy vua Ngật-lí-cát còn có một Thái tử tên là Thiện Sinh, vua Thiện Sinh lại sinh một Thái tử, rồi cứ thế con cháu truyền được một trăm đời, tới đời vua cuối sinh ra Ca-la-nỗ vương. Sau vua này sinh hai Thái tử, người lớn tên là Cồ-đàm, người nhỏ tên là Bà-la-nại-phước-nhạ. Vị Thái tử sau thích cuộc sống ở vương cung, ham việc cai trị nước, trong khi Thái tử Cồ-đàm thì lại luôn nghĩ đến việc chúng sinh bị trôi lăn trong vòng luân hồi, chịu bao nỗi chìm đắm trong ba đường dữ thật là khổ não. Do luôn suy nghĩ như thế nên Thái tử đến gặp phụ vương cúi đầu quỳ thưa: “Nay con không muốn ở chốn vương cung mà muốn xuất gia vào nơi núi rừng để tu tập phạm hạnh.”

Vua cha nói: “Con là trưởng tử, có cả đất nước và ngôi vua, lại có các quan phò tá, quyền hành nắm trong tay, sao lại dứt bỏ để đi xuất gia?”

Thái tử tâu: “Thưa cha, con xem ba cõi đều là cảnh ảo hóa không bền chắc, tất cả đều bị luật vô thường chi phối, đâu thể quyến luyến. Con nay xin từ tạ phụ hoàng để ra đi.” Vua cha nghe như thế biết chí hướng lớn của con nên đã bằng lòng.

Bấy giờ trên núi có một vị tiên tên là Ngật-lí-sắt-nỗ-phệ-ba-dã-nô lập một thảo am trong núi ấy để tu hành. Thái tử Cồ-đàm vui mừng tìm đến chỗ vị tiên, nắm vóc sắt đất đánh lễ thưa: “Tôi rời bỏ cung vua đến đây để phụng sự thầy, xin thầy thu nhận.” Vị tiên biết

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ý chí kiên định của Thái tử nên đã chấp nhận. Từ đó Thái tử ở nơi núi rừng, hái trái, gánh nước, chịu nhiều gian khổ, trải qua nhiều năm tháng để phụng sự Tiên nhân. Vị thầy nhận thấy Thái tử luôn siêng năng, tâm không thoái chuyển bèn cho tên hiệu cũng là Tiên nhân.

Sau đấy, vua Ca-la-nỗ băng hà, người em là Bà-la-nại-nhạ lên ngôi, Cồ-đàm biết tin vua cha đã mất liền thưa với thầy: “Nay con không thể ở trong núi hái quả, gánh nước hầu hạ thầy mà muốn về trong thành ở.”

Vị tiên nói: “Cồ-đàm, trước kia khi đến, con nói là muốn ở chốn núi rừng, sao nay lại muốn về thành? Nếu con có về thì chớ vào trong thành, mà nên chọn một nơi tịch tịnh che thảo am ngoài thành Bồ-đà-lạc-ca mà tu hành, giữ gìn các căn, tinh tấn, phạm hạnh.” Thái tử nghe lời, đến ngoài thành Bồ-đà-lạc-ca, tìm chỗ thanh tịnh cất am dốc sức tu trì.

